

TÀI NGUYÊN RỪNG - MÔI TRƯỜNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP GÓP PHẦN VÀO CÔNG CUỘC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở NƯỚC TA

PTS. PHAN THÚC HUÂN

I. TÀI NGUYÊN RỪNG - MÔI TRƯỜNG VÀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong tuyên bố của hội nghị Liên Hiệp Quốc về môi trường con người họp tại Stockholm từ ngày 5 - 16.6.1972 trong phần I, *Những nguyên tắc*, viết như sau: "tài nguyên thiên nhiên của trái đất bao gồm không khí, thực vật và động vật và đặc biệt là hệ sinh thái thiên nhiên điển hình, phải được bảo vệ an toàn vì quyền lợi của các thế hệ hôm nay và tương lai, thông qua công tác quy hoạch và quản lý thích hợp".

Có thể nói tài nguyên thiên nhiên là toàn bộ các yếu tố tự nhiên có giá trị, là nguồn vật chất để con người có thể sử dụng phục vụ cho cuộc sống và sự phát triển của mình.

Môi trường là tổng hợp các điều kiện bên ngoài ảnh hưởng đến vật thể hoặc sự kiện. Bất cứ một vật thể, một sự kiện nào cũng tồn tại và diễn biến trong một môi trường.

Tài nguyên là thành phần của môi trường là yếu tố tạo thành môi trường, nên việc khai thác sử dụng tài nguyên có tác động ảnh hưởng rất lớn đến với môi trường.

Rừng là một loại tài nguyên thiên nhiên có khả năng tái tạo. Rừng là một nhân tố quan trọng, có tác động rất lớn đến môi trường.

Trong công cuộc phát triển kinh tế, điều đặt ra cho tất cả các quốc gia trên thế giới là phải phát triển bền vững.

Ủy ban thế giới về môi trường và phát triển (NCED) (Ủy ban Brandtland 1978), định nghĩa "phát triển bền vững là sự phát triển thỏa mãn nhu cầu trong hiện tại mà không xâm phạm đến khả năng thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ trong tương lai".

Đối với VN, để đảm bảo sự phát triển bền vững, có nhiều vấn đề về môi trường đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế hiện nay. Đó là:

- Ngăn chặn sự suy thoái, ô nhiễm, cải thiện, các vùng nông thôn, miền núi, ven biển và hải đảo trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Xây dựng và thực hiện quy hoạch môi trường trong toàn lãnh thổ quốc gia, thực hiện chiến lược bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- Bảo vệ rừng và phát huy đa dạng tài nguyên sinh vật, bảo vệ các nguồn gen, các loại động thực vật quý hiếm.

- Xác định các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng môi trường và tổ chức đánh giá tác động đến môi trường đối với các chính sách, các dự án đầu tư, các công trình xây dựng.

- Tính chi phí hao mòn tài nguyên và xử lý ô nhiễm vào giá thành sản phẩm. Phối hợp biện pháp chỉ huy và kiểm soát của nhà nước đối với việc sử dụng công cụ kinh tế như thuế ô nhiễm, phí chất thải vào việc bảo vệ môi trường.

- Xây dựng chương trình thông tin, giáo dục nhận thức về môi trường cho toàn dân. Đồng thời kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật bảo vệ tài nguyên, môi trường. Phát hiện, xử lý các hành động vi phạm pháp luật bảo vệ tài nguyên và môi trường.

- Xây dựng phát huy tài nguyên con người tạo sự trong lành cho môi trường sống của con người.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ môi trường ở nước ta, đặc biệt là hợp tác với các nước trong khu vực.

Trong các vấn đề được trình bày ở trên, vấn đề bảo vệ rừng có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đặc biệt trong công cuộc phát triển kinh tế bền vững của đất nước.

II. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG - MÔI TRƯỜNG VN

Tài nguyên rừng VN do trải qua hàng trăm năm đô hộ của thực dân Pháp và hai cuộc chiến tranh đã bị tàn phá một cách trầm trọng. Tiếp theo 10 năm mở cửa của nền kinh tế vừa qua, sự tàn phá rừng và môi trường lại thêm một bước mới. Cho đến nay việc phá rừng đã làm cho môi trường sinh thái VN mất cân bằng. Hậu quả của việc tàn phá rừng là nguyên nhân gây ra hủy hoại môi trường, thiên tai hạn hán, lũ lụt. Nó gây tác động rất lớn đến sự phát triển kinh tế bền vững.

Theo số liệu điều tra thống kê của Viện điều tra quy hoạch rừng thuộc Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, hiện trạng rừng VN ở thời điểm kết thúc chu kỳ điều tra 1991 - 1995 như sau:

Đơn vị: 1000 ha

Loại đất	Tổng diện tích	Đất có rừng			Đất không rừng	Đất khác
		cộng	Rừng thiên nhiên	Rừng trồng		
Đơn vị						
Toàn quốc	33.111,6	9.302,2	8.252,5	1.049,7	9.778,6	14.030,8
Tây Bắc	3.595,3	515,5	464,1	51,4	2.232,0	847,8
Trung tâm	3.332,5	806,7	667,2	139,5	1.441,1	1.084,7
Đông bắc	3.368,8	670,7	533,8	136,9	1.388,6	1.309,5
ĐB Bắc bộ	1.251,2	53,4	22,7	30,7	37,7	1.760,1
Bắc T bộ	5.118,8	1.792,4	1.564,6	227,3	1.491,6	1.834,8
Duyên hải T bộ	4.587,5	1.597,4	1.439,8	157,6	1.331,9	1.658,2
Tây Nguyên	5.556,8	3.168,1	3.108,9	59,2	1.264,7	1.124,0
Đông Nam bộ	2.245,0	468,2	406,8	79,4	361,9	1.496,9
ĐBSCL	3.955,7	211,8	44,6	167,2	229,1	3.514,8

Qua số liệu thống kê cho thấy ở thời điểm kết thúc chu kỳ điều tra 1991 - 1995, đất có rừng toàn quốc là 9.302,2 ngàn ha, trong đó rừng tự nhiên là 8.252,2 ngàn ha, rừng trồng là 1.049,7 ngàn ha. Ngoài hai vùng đồng bằng Bắc bộ và đồng bằng sông Cửu Long đất có rừng và rừng không đáng kể, trong 7 vùng còn lại, vùng Tây Nguyên (bao gồm các tỉnh Kontum, Gia Lai, Daklak, Lâm Đồng) có diện tích rừng lớn nhất, đất có rừng là 3.108,9 ngàn ha, rừng trồng là 59,2 ngàn ha. Vùng đồng bằng Nam bộ (bao gồm có TP.HCM, Tây Ninh, Sông Bé, Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu) có diện tích rừng ít nhất: Đất có rừng là 486,2 ngàn ha, rừng tự nhiên là 406,8 ngàn ha, rừng trồng là 79,4 ha.

- Về tỷ lệ che phủ:

Cũng theo số liệu điều tra của Viện điều tra quy hoạch rừng ở thời điểm kết thúc điều tra 1991 - 1995, ta có:

Tỷ lệ che phủ trung bình cả nước và các vùng lâm nghiệp

Vùng	Tỷ lệ che phủ (%)	Vùng	Tỷ lệ che phủ (%)
Cả nước	28	Vùng Bắc Trung bộ	35
Vùng tây bắc	14	Vùng duyên hải Trung bộ	35
Vùng trung tâm	24	Vùng Tây Nguyên	57
Vùng đông bắc	20	Vùng Đông Nam bộ	21
Vùng đồng bằng Bắc bộ	4	Vùng ĐBS Cửu Long	5

Qua số liệu, ta nhận thấy không kể đồng bằng sông

Cửu Long tỷ lệ che phủ vùng Tây Nguyên cao nhất (57%) và vùng Tây bắc (bao gồm các tỉnh Sơn La, Lai Châu và Hòa Bình) có tỷ lệ che phủ thấp nhất là 14%.

Xét về biến động của tài nguyên rừng, diện tích rừng qua các thời kỳ như sau:

Đơn vị: 1000 ha

Năm	1976	1980	1985	1990	1995
Loại rừng					
Đất có rừng	11.169,3	10.608,3	9.891,6	9.175,6	9.302,2
Rừng tự nhiên	11.076,7	10.186,0	9.308,3	8.430,7	8.252,5
Rừng trồng	92,6	422,3	583,6	744,9	1.047,7

Qua bảng trên ta thấy từ năm 1976 đến năm 1995 đất có rừng giảm 11.169,3 ngàn ha (1976) xuống 9.302,2 ngàn ha (1995) tức là giảm 1.867,1 ngàn ha (16,7%). Nếu chia bình quân hàng năm đất có rừng giảm 207,46 ngàn ha. Rừng tự nhiên từ 11.076,1 ngàn ha (1976) xuống 8.252,5 ngàn ha (1995) tức là giảm 2.824,2 ngàn ha (25,4%). Tính bình quân hàng năm giảm 313,8 ngàn ha. Trong khi đó diện tích rừng trồng tăng lên nhưng không thể bù đắp được sự giảm của diện tích đất có rừng và rừng, đặc biệt là sự suy thoái của rừng tự nhiên. Rừng tự nhiên ngày càng nghèo kiệt.

Nếu tính bình quân trên đầu người thì diện tích rừng giảm từ 0,23 ha/người ở năm 1976 xuống 0,16 ha/người năm 1990 và 0,13 ha/người năm 1995.

Tỷ lệ che phủ của rừng so với diện tích cả nước năm 1943 là 43,2%, năm 1976 giảm xuống còn 33,7%, năm 1990 giảm xuống 27,7% và năm 1995 tăng lên 28,1%.

Diện tích đất rừng VN ngày càng giảm, rừng tự nhiên trong toàn quốc bị khai thác cạn kiệt đã đến mức báo động. Sự giảm diện tích rừng và sự cạn kiệt của rừng dẫn đến tác hại:

- Cân bằng sinh thái trong toàn quốc bị phá vỡ làm ảnh hưởng lớn đến điều kiện khí hậu, ảnh hưởng đến môi trường không khí, gây tác hại đến sức khỏe của con người.

- Rừng đầu nguồn bị cạn kiệt, nguồn nước không được điều hòa dẫn đến mùa khô nước sông cạn kiệt, mùa mưa nước lũ dâng cao ào ạt gây nên thiên tai, thiệt hại nhà cửa, ruộng vườn và cây trồng vật nuôi.

- Việc khai thác rừng cạn kiệt, sự tái tạo rừng và sinh khối của rừng nhỏ hơn sự khai thác đã góp phần quan trọng vào việc phá hoại sự phát triển kinh tế bền vững của đất nước.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP BẢO VỆ, PHỤC HỒI TÀI NGUYÊN RỪNG, MÔI TRƯỜNG GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Như các phần trên đã trình bày, gần một thế kỷ qua đất nước ta đã trải qua những giai đoạn lịch sử đặc thù từ sự đô hộ khai thác tài nguyên của thực dân Pháp, tiếp theo trải qua các cuộc chiến tranh và mở cửa nền kinh tế, do sự tàn phá rừng, khai thác rừng bừa bãi đã dẫn đến kết quả diện tích rừng ngày càng giảm dần. Rừng tự nhiên bị phá vỡ ngày càng cạn kiệt, cho nên đã gây ra tác hại lớn đến môi trường sinh thái, gây thiên tai, hạn hán, lũ lụt, môi trường không khí bị thay đổi. Sự khai thác rừng lớn hơn nhiều so với khả năng tái tạo sinh khối của nó đã tác hại đến sự phát triển bền vững của đất nước.

Vì vậy muốn phát triển bền vững, một trong những việc hàng đầu cần thực hiện là thi hành một số giải pháp tác động đối với rừng và môi trường như sau:

1. Thực hiện đóng cửa rừng tự nhiên, không được khai thác trong thời gian dài, tối thiểu là 20 năm trở lên và nuôi dưỡng để rừng phục hồi, phục hồi lại cân bằng sinh thái chung trong toàn quốc.

2. Đẩy mạnh công tác trồng rừng trong toàn quốc với tốc độ cao: Muốn vậy phải có ngân sách đầu tư cho việc trồng rừng thích đáng. Đồng thời thực hiện đẩy mạnh việc giao đất giao rừng cho nhân dân miền núi để họ trồng rừng có

hiệu quả cao hơn.

3. Phải đẩy mạnh hơn nữa tốc độ xây dựng các khu rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, các loại rừng đặc trưng. Phải xây dựng các luận chứng kinh tế kỹ thuật để thực hiện đầu tư và có biện pháp quản lý chặt chẽ các loại rừng này. Tùy từng vùng, từng tỉnh mà mở rộng diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Nâng cấp một số khu bảo tồn thành vườn quốc gia, giảm bớt rừng sản xuất để bảo vệ nghiêm ngặt tài nguyên rừng.

4. Xây dựng một chính sách hợp lý đối với người nhận đất, nhận rừng để thu nhập của họ được nâng lên tương đương với các ngành sản xuất khác, để họ gắn bó với rừng. Hiện nay quyền lợi kinh tế của người nhận đất nhận rừng chưa thỏa đáng, cần phải có chính sách điều chỉnh thích hợp.

5. Rà soát lại diện tích các loại đất ở vùng miền núi, những vùng đất rừng chuyển sang sản xuất nông nghiệp không có hiệu quả, những vùng đất mà các doanh nghiệp quốc doanh ngành lâm nghiệp quản lý nhưng kinh doanh không có hiệu quả cần trả lại cho nhà nước. Nhà nước (chính quyền địa phương) tổ chức lại, sản xuất sử dụng đất đúng chức năng xây dựng và khôi phục lại vốn rừng.

6. Cần phải quy hoạch và có kế hoạch phát triển các vùng miền núi có khả năng sản xuất nông nghiệp. Chính phủ phải phối hợp với các tỉnh đồng bằng đông dân có người di dân và các tỉnh miền núi nơi dân tự do đến đưa việc di dân đến các tỉnh miền núi theo kế hoạch trong các vùng quy hoạch để tránh sự di dân tự do đến các tỉnh miền núi phá hoại rừng.

7. Phải nghiêm ngặt thực hiện luật bảo vệ rừng, ngăn chặn triệt để tình trạng phá rừng hiện nay của những người vì lợi ích trước mắt, lợi ích cục bộ, cá nhân không nghĩ đến tương lai của đất nước, sự phát triển bền vững của đất nước.

8. Cần nghiên cứu xây dựng một mô hình tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng thống nhất toàn quốc, nội dung mô hình phải phù hợp với cơ chế thị trường, với điều kiện kinh tế, xã hội nước ta hiện nay.

9. Phải đẩy mạnh phát triển cây xanh đô thị, các lâm viên ở các vùng ven đô thị, khu chế xuất, khu công nghiệp, các vành đai cây xanh vòng quanh các đô thị. Đồng thời đẩy mạnh trồng cây phân tán ở các tỉnh đồng bằng trong toàn quốc để phối hợp với bảo vệ, phục hồi rừng tự nhiên, phát triển rừng trồng tạo đồng bộ cho sự cân bằng sinh thái, cải tạo điều kiện khí hậu chung phục vụ cho sự phát triển bền vững.

Thực hiện được các giải pháp trình bày ở trên và kết hợp đồng bộ với những vấn đề môi trường đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế hiện nay ở VN như đã trình bày, không những tài nguyên rừng VN được phục hồi mà còn được phát triển.

Phục hồi lại sự cân bằng sinh thái, môi trường không khí sẽ trở nên trong sạch, hạn chế được thiên tai, lũ lụt, hạn hán. Tài nguyên rừng được tái tạo lớn hơn lượng khai thác thì đất nước ta sẽ vững chắc đi lên trên con đường phát triển bền vững.

